TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LONG BIÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: **14**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 06/02/2018
V/v: *Tranh chấp ly hôn, việc nuôi con*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Ông Vũ Quang Dũng**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Đức Minh

2. Bà Đặng Thị Nhác

- Thư ký phiên toà: **Bà Trương Thị Thu Hương** - Thư ký Toà án nhân dân quận Long Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: **Bà Lê Thị Thúy Hà -** Kiểm sát viên

Ngày 06/02/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: **778**/2017/TLST-HNGĐ ngày 08/12/2017 về việc: ***Tranh chấp ly hôn, việc nuôi con*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **05**/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22/1/2018 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** **Anh Trương Văn C – sinh năm 1985**
HKTT và chỗ ở: Số 26, ngõ 188/35/20 phố Tư Đình, phường Long Biên, quận Long Biên, Hà Nội; *(Có mặt)*

**** Bị đơn:*** **Chị Nguyễn Thị N – sinh năm 1990**
HKTT: phường B, quận Long Biên, Hà Nội;
Chỗ ở hiện nay: phường T, quận Long Biên, Hà Nội;
(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn - anh Trương Văn C trình bày:**

Anh và chị Nguyễn Thị N đăng ký kết hôn ngày 25/11/2014 tại UBND xã Đại X, huyện Phú X, Hà Nội. Anh chị chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 01 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống, không nói chuyện được với nhau. Vợ

chồng thường xuyên to tiếng xô sát với nhau. Anh chị đã cố gắng hàn gắn quan hệ vợ chồng nhiều lần nhưng không được. Gia đình hai bên nhiều lần hòa giải để anh chị quay lại với nhau nhưng vẫn không có kết quả gì. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên căng thẳng. Đến đầu năm 2017 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng. Anh chị đã ly thân với nhau từ tháng 6/2017 đến nay, mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai. Đến nay, anh C thấy cuộc sống chung của anh chị không còn hạnh phúc, anh không thể tiếp tục chung sống với chị N được nữa, tình cảm vợ chồng không còn nên anh xin được ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Trương An N, sinh ngày 17/11/2014. Sau khi ly hôn, Anh C muốn nuôi cháu N vì cháu ở từ bé với anh. Sau khi vợ anh bỏ đi chỗ khác từ tháng 6/2017 thì anh vẫn nuôi con, cho cháu học hành đầy đủ. Mặt khác, anh có nhà cửa ổn định tại tổ 10 phường Long Biên. Và anh cũng đón bố mẹ anh lên ở cùng để hỗ trợ nuôi nấng cháu N. Anh đi làm hành chính không phải trực như chị N nên đảm bảo được việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu tốt hơn. Thu nhập hiện tại của anh khoảng 35.000.000 đồng/tháng. Nếu được nuôi con anh không yêu cầu chị N đóng góp tiền nuôi con.

- Về tài sản chung và công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn – chị Nguyễn Thị N trình bày:**

Chị và anh C đăng ký kết hôn năm 2014 tại UBND xã Đại X, huyện Phú X, Hà Nội. Anh chị chung sống hạnh phúc với nhau đến ngay sau khi cưới thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C không chung thủy, trong cuộc sống thì bất đồng trong quan điểm sống, không nói chuyện được với nhau. Vợ chồng thường X xảy ra xô sát to tiếng với nhau, có lần anh C đánh chị. Anh chị đã cố gắng hàn gắn quan hệ vợ chồng nhiều lần nhưng không được. Gia đình hai bên có hòa giải để anh chị quay lại với nhau nhưng vẫn không có kết quả gì. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Anh chị đã ly thân với nhau từ tháng 6/2017 đến nay, mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai. Đến nay, chị N thấy cuộc sống chung của anh chị không còn hạnh phúc, chị không thể tiếp tục chung sống với anh C được nữa. Chị cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau nên chị đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Trương An N, sinh ngày 17/11/2014. Sau khi ly hôn, Chị N muốn nuôi cháu N. Chị có thu nhập 3.500.000 đồng/tháng tiền lương. Bố mẹ đẻ chị N hỗ trợ tiền chi tiêu cho chị N 7.000.000 đồng/tháng để nuôi con. Hiện nay, chị N đang thuê nhà tại tổ 12 phường Thạch Bàn, quận Long Biên, Hà Nội hết 1.000.000 đồng/ tháng. Từ khi chị sống riêng (tháng 6/2017) vào cuối tuần chị vẫn đón con về chơi. Hiện nay, công việc của chị vẫn phải trực ca đêm nhưng nếu chị được nuôi con, chị sẽ xin không trực vì con nhỏ. Nếu được nuôi con, chị không yêu cầu anh C đóng góp tiền nuôi con.

- Về tài sản chung và công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án như sau:**

- Về thẩm quyền: Toà án nhân dân quận Long Biên đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Thẩm phán lập hồ sơ, xác minh, thu thập chứng cứ, tiến hành giao các văn bản tố tụng và tiến hành trình tự, thủ tục tại phiên toà đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng tại phiên toà đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn và bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Trương An N cho anh C được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Về tài sản chung và công nợ: Hai anh chị không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

* Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Văn C và chị Nguyễn Thị N đăng ký kết hôn với nhau ngày 25/11/2014 tại UBND xã Đại X, huyện Phú X, Hà Nội trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, hai anh chị thường X xảy ra mâu thuẫn do anh chị không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống, không nói chuyện được với nhau. Chị N nghi ngờ anh C không chung thủy nên vợ chồng thường X xảy ra xô sát, đánh cãi chửi nhau. Anh chị đã cố gắng hàn gắn quan hệ vợ chồng nhiều lần nhưng không được. Gia đình hai bên nhiều lần hòa giải để anh chị quay lại với nhau nhưng vẫn không có kết quả gì. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, căng thẳng. Từ đầu năm 2017, mâu thuẫn trở nên trầm trọng. Và từ tháng 6/2017, chị N chuyển ra ngoài thuê nhà ở riêng đến nay. Hai vợ chồng không còn quan tâm và không có trách nhiệm với nhau. Nay, cả hai anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, không thể hàn gắn đoàn tụ được nữa.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị N đã căng thẳng trầm trọng kéo dài, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, anh C xin ly hôn và chị N đồng ý ly hôn. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C đối với chị N là có căn cứ và phù hợp với pháp luật.

* Về việc nuôi con: Anh chị xác định có 01 con chung là cháu Trương An N, sinh ngày 17/11/2014. Hiện nay, cháu N đang ở với anh C. Khi ly hôn, cả

hai anh chị đều có nguyện vọng xin được nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng: Cả hai anh chị đều có khả năng và điều kiện nuôi con. Tuy N, việc giao con cho anh C được trực tiếp nuôi con sẽ đảm bảo quyền lợi tốt hơn cho cháu N. Vì anh C có nhà ở riêng, công việc anh C làm giờ hành chính. Chị N do đặc thù nghề nghiệp thường X phải trực ca đêm và đang phải thuê nhà ở không đảm bảo sự ổn định về chỗ ở và việc học hành của cháu. Mặt khác, anh C có bố mẹ đẻ ở cùng để hỗ trợ trong việc chăm sóc con của anh C. Hiện nay, cháu N được đi học đầy đủ đảm bảo phát triển tốt về tinh thần và trí tuệ. Cháu N đang sống ổn định cùng với anh C từ khi chị N ra thuê nhà ở riêng (6/2017). Cuối tuần, vào ngày thứ bảy - chủ nhật, chị N vẫn thường X đến đón cháu về chăm sóc, dạy dỗ không bị ai ngăn cản. Do đó, để đảm bảo sự ổn định, tránh xáo trộn trong cuộc sống của cháu N, tạo điều kiện cho cháu phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần, Hội đồng xét xử thấy nên giao cháu N cho anh C được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là có căn cứ pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tế của hai bên.

- Về việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh C khẳng định nếu được nuôi con thì anh không yêu cầu chị N đóng góp phí tổn nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết. Vì vậy, tạm hoãn việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị N cho đến khi cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu mới.

* Về việc chia tài sản: Anh C và chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

* Về công nợ: Anh C và chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

* Về án phí: Anh C phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trương Văn C đối với chị Nguyễn Thị N. Anh C được ly hôn với chị N.

2. Về việc nuôi con: Xác định anh chị có 01 con chung là cháu Trương An N, sinh ngày 17/11/2014. Sau khi ly hôn, giao cho anh C được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N. Tạm hoãn việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị N cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu mới.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung

3. Về việc chia tài sản: Anh C và chị N không yêu cầu nên HĐXX không đặt vấn đề giải quyết.

4.Về công nợ: Anh C và chị N không yêu cầu nên HĐXX không đặt vấn đề giải quyết.

5. Về án phí: Anh Trương Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ sơ thẩm. Anh C đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 6364 ngày 08/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên. Nay chuyển thành án phí.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Quang Dũng

Nơi nhận:
- *TANDTP.Hà Nội;*
- *VKSND quận Long Biên;*
- *Chi cục Thi hành án DS Q.Long Biên;*
- *UBND xã Đại X, Phú X, HN;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu VP/TA.*